

Số: 6327/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 11 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc thay thế Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá, xếp hạng kết quả cải cách hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 7544/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2016 của UBND thành phố

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương;

Căn cứ Quyết định số 8511/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Kế hoạch công tác cải cách hành chính năm 2017 của thành phố Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng tại Tờ trình số 3020/TTr-SNV ngày 27 tháng 10 năm 2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá, xếp hạng kết quả cải cách hành chính đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, thay thế Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá, xếp hạng kết quả cải cách hành chính đã được ban hành kèm theo Quyết định số 7544/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2016 của UBND thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thủ trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Thành ủy;
- TT HĐND thành phố;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Sở, ban, ngành;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn thành phố;
- UBND các quận, huyện;
- Báo Đà Nẵng, Đài PT-TH ĐN;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, NC, SNV. 16



Huỳnh Đức Thơ



## PHỤ LỤC I

**Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá, xếp hạng kết quả cải cách hành chính đối với các Sở ban ngành**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6327 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2017 của UBND thành phố Đà Nẵng)

STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
<b>I</b>	<b>CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH</b>	<b>19</b>
<b>1</b>	<b>Xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính (sau đây viết tắt là CCHC) hằng năm</b>	<b>2,5</b>
a)	Ban hành đúng thời hạn và cập nhật đầy đủ kế hoạch lên phần mềm <a href="http://www.cchc.danang.gov.vn">www.cchc.danang.gov.vn</a> (trước ngày 31/01 hàng năm)	1
b)	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo Kế hoạch CCHC của thành phố	1
c)	Các nhiệm vụ cụ thể hóa được kết quả hoàn thành và xác định rõ trách nhiệm triển khai	0,5
<b>2</b>	<b>Công tác quản trị tiến độ và mức độ hoàn thành Kế hoạch</b>	<b>2,5</b>
a)	Thực hiện cập nhật tiến độ trên phần mềm đầy đủ (theo 06 tháng và năm) <i>Không cập nhật 06 tháng: Trừ nửa số điểm; cập nhật 06 tháng nhưng không cập nhật tiến độ năm: Không có điểm</i>	0,5
b)	Mức độ hoàn thành Kế hoạch/Chương trình CCHC <i>(trong trường hợp có nhiệm vụ do UBND giao nhưng đơn vị không hoàn thành thì việc đánh giá về Kế hoạch/Chương trình CCHC của đơn vị được chấm tối đa 1 điểm; Các nhiệm vụ không cụ thể hóa được kết quả hoàn thành thì xem như là 01 nhiệm vụ không hoàn thành)</i>	2
-	100% kế hoạch	2
-	Từ 85% đến dưới 100%	1
-	Từ 70% đến dưới 85%	0,5
<b>3</b>	<b>Thực hiện kiểm tra CCHC tại các đơn vị trực thuộc có thực hiện các nhiệm vụ về công tác cải cách hành chính (tỉ lệ % đơn vị trực thuộc được kiểm tra)<sup>1</sup></b>	<b>1</b>
a)	Từ 90% đơn vị trực thuộc trở lên	1
b)	Từ 70% đến dưới 90%	0,5
<b>4</b>	<b>Thực hiện báo cáo kết quả CCHC trực tuyến</b>	<b>2</b>
a)	Đầy đủ và đúng thời hạn 2 báo cáo ( <i>thiếu hoặc trễ mỗi báo cáo trừ 0,5 điểm</i> )	1
b)	Đầy đủ các nội dung theo mẫu yêu cầu ( <i>mỗi báo cáo không đầy đủ các nội dung theo mẫu yêu cầu trừ 0,5 điểm</i> )	1

<sup>1</sup> Đối với đơn vị chỉ có 1-2 đơn vị trực thuộc thì phải có kiểm tra chuyên đề về CCHC; Đối với đơn vị có từ 10 đơn vị trực thuộc trở lên: thì tiêu chí đánh giá sẽ là: 7 đơn vị trở lên: 1đ; 5-6 đơn vị: 0.5đ; Đối với đơn vị không có đơn vị trực thuộc thực hiện nhiệm vụ về CCHC (Sở Tài chính, Thanh tra): Đánh giá thông qua số lượng các cơ quan, đơn vị được kiểm tra về những nội dung quản lý chuyên ngành.

STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
<b>5</b>	<b>Công tác tuyên truyền CCHC</b>	<b>5</b>
a)	<b>Kế hoạch tuyên truyền</b>	<b>1</b>
-	Có kế hoạch tuyên truyền riêng hoặc lồng ghép chung trong kế hoạch cải cách hành chính năm của đơn vị	0,5
-	Kế hoạch phải cụ thể các hình thức tuyên truyền và thời gian thực hiện	0,5
b)	<b>Các hình thức tuyên truyền:</b>	<b>4</b>
-	Đủ ba hình thức tuyên truyền: (1) tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp, tập huấn chuyên đề CCHC; (2) đăng thông tin CCHC trên website của ngành; (3) đăng thông tin trên báo, đài truyền thanh, truyền hình ( <i>thiếu mỗi hình thức trừ 01 điểm, tối đa trừ không quá 2 điểm</i> )	2
-	Tuyên truyền bằng các hình thức: Tổ chức cuộc thi; tạo đàm; sân khấu hóa; tờ rơi (thiết kế, in màu); các vật dụng có in nội dung tuyên truyền CCHC để phát đến tổ chức, công dân; video clip...: Mỗi hình thức 01 điểm, tối đa 2 điểm	2
<b>6</b>	<b>Những giải pháp về chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo đơn vị trong thực hiện CCHC</b>	<b>3</b>
a)	Tổ chức đánh giá, sơ kết, tổng kết công tác CCHC của đơn vị hằng năm ( <i>nếu tổ chức lồng ghép vào Hội nghị cuối năm thì phải được thể hiện rõ trong chương trình, được thảo luận và thể hiện rõ trong kết luận hội nghị</i> )	1
b)	Thực hiện biểu dương, khen thưởng tại các cuộc họp cơ quan hàng tháng, hàng quý, trong hội nghị 6 tháng, năm hoặc xử lý kỷ luật, phê bình cán bộ, công chức, đơn vị trực thuộc trong thực hiện công tác CCHC của đơn vị theo các quy định hiện hành ( <i>thể hiện bằng văn bản, thông báo cụ thể và không tính đối với các trường hợp khen thưởng kết quả làm việc định kỳ</i> )	1
c)	Đánh giá về mức độ quyết tâm trong công tác CCHC của thủ trưởng đơn vị đối với công tác cải cách hành chính ( <i>thông qua điều tra, khảo sát</i> )	1
-	Tốt	1
-	Khá	0,5
<b>7</b>	<b>Sáng kiến trong CCHC được Hội đồng khoa học cấp cơ sở công nhận (01 giải pháp đầu tiên được tính 2 điểm, thêm 01 giải pháp thì được cộng 01 điểm, tối đa không quá 3 điểm)</b> <i>Mỗi đơn vị lựa chọn và kê khai tối đa 04 sáng kiến cấp cơ sở để trình Hội đồng đánh giá xếp hạng CCHC hàng năm xem xét.</i>	<b>3</b>
<b>II</b>	<b>HOÀN THIỆN HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>14</b>
<b>1</b>	<b>Thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị hằng năm</b>	<b>1</b>
a)	Rà soát đầy đủ kịp thời có chất lượng, lập hồ sơ theo đúng quy định	0,5
b)	Xử lý kịp thời, đúng hình thức quy định	0,5
<b>2</b>	<b>Đánh giá về văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quản lý</b>	<b>1</b>

STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
	<b>Chỉ đạo điều hành do đơn vị ban hành hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành (thông qua điều tra, khảo sát)</b>	
a)	Ban hành đúng thẩm quyền, hình thức, đảm bảo tính kịp thời, khả thi	0,5
b)	Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp đồng bộ, thống nhất trong hệ thống văn bản	0,5
3	<b>Tính minh bạch của các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, chỉ đạo điều hành, quy hoạch, kế hoạch... do đơn vị ban hành hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành (thông qua điều tra, khảo sát)</b>	1
a)	Dễ tiếp cận, tìm hiểu văn bản	0,5
b)	Đầy đủ thông tin	0,5
4	<b>Thực hiện báo cáo hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính (sau đây viết tắt là TTHC) định kỳ (6 tháng và năm lần 1)</b>	1
a)	Báo cáo đầy đủ số lượng và đúng thời hạn (thiếu hoặc trễ mỗi báo cáo trừ 0,25 điểm)	0,5
b)	Báo cáo đầy đủ các nội dung theo mẫu yêu cầu (thiếu mỗi nội dung trừ 0,25 điểm)	0,5
5	<b>Thực hiện công bố, công khai TTHC đúng quy định</b>	3
a)	Thực hiện công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết ít nhất 01 lần/năm	1
b)	Định kỳ hàng năm (trước 30/3) có văn bản xây dựng bộ TTHC cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi ngành quản lý	1
c)	Niêm yết công khai bộ TTHC (đảm bảo 4 tiêu chí: Đúng vị trí, đủ thủ tục, cập nhật mới, dễ tìm hiểu) tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm hành chính thành phố; công khai trên web của đơn vị	1
6	<b>Xây dựng văn bản triển khai Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC hàng năm của thành phố (chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày ban hành Kế hoạch của thành phố)</b>	1,5
a)	Ban hành đúng thời hạn	0,5
b)	Triển khai đầy đủ các nhiệm vụ kiểm soát TTHC được giao theo Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC của thành phố	1
7	<b>Thực hiện rà soát, đơn giản hóa TTHC</b>	4,5
a)	Xây dựng văn bản triển khai Kế hoạch đơn giản hóa TTHC hàng năm trên địa bàn thành phố (chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày ban hành Kế hoạch của thành phố)	1,5
-	Ban hành đúng thời hạn	0,5
-	Có phương án tổ chức thực hiện Kế hoạch của thành phố	1
b)	Báo cáo kết quả rà soát đầy đủ và đúng thời hạn 31/8 hàng năm (thiếu nội dung: 0,5, trễ hạn dưới 15 ngày: 0,5 điểm; trễ hạn từ 15 ngày trở lên: 0 điểm)	1
c)	Có kiến nghị đơn giản hóa TTHC	1
d)	Kiến nghị đơn giản hóa TTHC được phê duyệt tại Quyết định ban hành Phương án đơn giản hóa TTHC của thành phố hoặc chủ động rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục và được phê duyệt tại Bộ thủ	1

STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
	tục hành chính của đơn vị	
8	Ý kiến đánh giá của công chức thực thi TTHC thuộc UBND quận, huyện đối với những cải tiến về TTHC của ngành ( <i>thông qua điều tra, khảo sát</i> )	1
a)	Thúc đẩy tính hợp lý, hợp pháp	0,5
b)	Giảm thiểu phức tạp, chồng chéo	0,5
<b>III</b>	<b>THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG</b>	<b>12</b>
1	100% TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị	1
2	Thực hiện chế độ phụ cấp đối với công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định hiện hành	1
3	Sử dụng và ứng dụng phần mềm một cửa điện tử phục vụ công tác tiếp nhận và theo dõi, quản lý hồ sơ ( <i>thông qua kết quả theo dõi</i> )	4
a)	Tiếp nhận 100% hồ sơ trên phần mềm ( <i>ngoại trừ các lĩnh vực tiếp nhận trên các hệ thống của Bộ chuyên ngành như: Đăng ký kinh doanh, Lý lịch tư pháp...</i> )	0,5
b)	Không có hồ sơ quá hạn, trễ hạn trên phần mềm do lỗi chủ quản của công chức xử lý hồ sơ ( <i>nếu tỷ lệ từ 95% đến dưới 100% thì được nửa số điểm, dưới tỉ lệ trên không tính điểm</i> )	1,5
c)	Có luân chuyên, xử lý hồ sơ, ban hành kết quả xử lý ( <i>nếu tỷ lệ từ 95% đến dưới 100% thì được nửa số điểm, dưới tỉ lệ trên không tính điểm</i> )	1,5
d)	Có ban hành danh mục hồ sơ được quét (scan) và tổ chức triển khai thực hiện	0,5
4	Tỷ lệ hồ sơ thực tế được giải quyết đúng và sớm hạn <sup>2</sup>	1
a)	100% hồ sơ	1
b)	Từ 90% đến dưới 100% hồ sơ	0,5
5	Thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của tổ chức, công dân đối với dịch vụ hành chính công của cơ quan, đơn vị	3
a)	Số lượng ý kiến trả lời khảo sát đảm bảo quy định hiện hành của thành phố ( <i>thông qua hình thức trực tiếp và trực tuyến, nếu số lượng không đảm bảo chỉ được tối đa nửa số điểm</i> ) <i>Ghi chú: Số lượng ý kiến khảo sát phải đảm bảo tỷ lệ trên số lượt hồ sơ, không tính trên số lượng đối tượng thực hiện thủ tục hành chính</i>	1,5
b)	Có đánh giá kết quả khảo sát và đề xuất giải pháp cải thiện việc cung ứng dịch vụ hành chính công của đơn vị trong thời gian tới ( <i>bao gồm cả kết quả của các đơn vị khảo sát độc lập như: Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế Xã hội, Trung tâm Thông tin dịch vụ</i> )	1,5

<sup>2</sup> Đối với các đơn vị có số lượng hồ sơ tiếp nhận trên 5000 lượt/năm thì thang yêu cầu về tỉ lệ giảm đi 5% ứng với mỗi mức điểm, ví dụ: 90% hồ sơ đạt 3 điểm. Đảm bảo không có lĩnh vực TTHC có tỉ lệ đúng hạn dưới 70%. Đối với những đơn vị có lĩnh vực tiếp nhận và xử lý tại các đơn vị trực thuộc (Vd: đất đai) thì tỉ lệ được tính trên hồ sơ sớm và đúng hạn tại các đơn vị trên.

STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
	<i>công thành phố)</i>	
6	<b>Kết quả đánh giá của tổ chức, công dân khi thực hiện giao dịch TTHC (thông qua phần mềm đánh giá trực tuyến).</b> <i>Đối với đơn vị mà khách hàng chỉ bao gồm cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố thì tỉ lệ đảm bảo được tính 10% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận.</i> <i>Nếu thâm định thông tin có 10% trên tổng tỷ lệ khảo sát thông tin không đúng thì điểm trừ 50% số điểm (sẽ kiểm chứng theo xác suất từ 20-30% số lượng khảo sát trong năm của đơn vị).</i> <i>Nếu số lượng phiếu khảo sát chưa đảm bảo chỉ được tối đa nửa số điểm (số lượng phiếu trực tuyến phải đảm bảo tỉ lệ theo Quy định tại Khung khảo sát mức độ hài lòng ban hành kèm theo Quyết định số 5489 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2016 của UBND thành phố).</i>	2
a)	Từ 90% trở lên đánh giá hài lòng	2
b)	Từ 85% đến dưới 90 % đánh giá hài lòng	1,5
c)	Từ 70% đến dưới 85% đánh giá hài lòng	1
<b>IV</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY</b>	<b>6</b>
1	<b>Đánh giá về việc thực hiện và cập nhật kịp thời Quy chế làm việc nội bộ của cơ quan, đơn vị theo quy định (thông qua điều tra, khảo sát)</b>	1
a)	Tốt	1
b)	Khá	0,5
2	<b>Đánh giá mối quan hệ phối hợp giữa các phòng, ban trong giải quyết công việc (thông qua điều tra, khảo sát)</b>	1
a)	Tốt	1
b)	Khá	0,5
3	<b>Xây dựng Đề án tinh giản biên chế và triển khai thực hiện trên thực tế</b>	2
a)	Xây dựng Đề án tinh giản biên chế được UBND thành phố phê duyệt	1
b)	Triển khai thực hiện trên thực tế đảm bảo tỷ lệ tinh giản biên chế theo Quyết định phê duyệt của UBND thành phố	1
4	<b>Có tham mưu tiến hành phân cấp và được cấp có thẩm quyền công nhận</b>	2
a)	Tham mưu Quyết định phân cấp quản lý ngành, lĩnh vực cho các cơ quan, đơn vị; UBND các quận, huyện	1
b)	Quyết định được phê duyệt và được triển khai thực hiện trên thực tế	1
<b>V</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC</b>	<b>19</b>
1.	<b>Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm (qua theo dõi của Phòng Công chức, viên chức, Sở Nội vụ)</b>	4
a)	Cơ quan hành chính thực hiện đúng cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	2

STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
-	Cơ quan hành chính thực hiện đúng cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt đạt 100%	2
-	Cơ quan hành chính thực hiện đúng cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt đạt từ 50% đến dưới 100%	1
b)	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt (qua theo dõi của Phòng Công chức, viên chức, Sở Nội vụ)	2
-	100 % đơn vị theo vị trí nghề nghiệp	2
-	Từ 50% đến dưới 100% đơn vị theo vị trí nghề nghiệp	1
<b>2</b>	<b>Đảm bảo quản lý, sử dụng biên chế và số lượng người làm việc được giao đúng quy định (qua theo dõi của Phòng Tổ chức, biên chế và Phòng Công chức Viên chức Sở Nội vụ)</b>	<b>3,5</b>
a)	Xây dựng kế hoạch biên chế, số lượng người làm việc hàng năm đảm bảo thời gian, nội dung quy định	0,5
b)	Báo cáo phân bổ biên chế, số lượng người làm việc; báo cáo kết quả sử dụng biên chế, số lượng người làm việc hàng năm đúng hạn và đầy đủ nội dung quy định	0,5
c)	Thực hiện đầy đủ đúng quy định về phân cấp quản lý công chức, viên chức, hợp đồng lao động	0,5
d)	Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của công chức, viên chức, người lao động tại đơn vị và các đơn vị trực thuộc	1
-	Có xây dựng Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác	0,5
-	Triển khai thực hiện theo đúng Kế hoạch (triển khai thiếu mỗi nội dung trừ 0,25 điểm)	0,5
đ)	Thực hiện tuyển dụng viên chức các đơn vị trực thuộc (đối với những đơn vị còn chỉ tiêu)	1
-	Có xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức	0,5
-	Thực hiện tuyển dụng theo Kế hoạch	0,5
<b>3</b>	<b>Triển khai công tác đánh giá kết quả làm việc hàng tháng theo quy định của thành phố (qua theo dõi của Phòng Công chức, viên chức Sở Nội vụ)</b>	<b>1,5</b>
a)	Triển khai đánh giá hàng tháng đầy đủ và đúng thời gian quy định (tính theo số đợt đánh giá tháng triển khai)	1
b)	Thực hiện đánh giá phân loại công chức năm dựa trên đánh giá kết quả làm việc hàng tháng tại đơn vị	0,5
<b>4</b>	<b>Thực hiện cập nhật kịp thời và đầy đủ thông tin về công chức các phòng, ban, đơn vị trực thuộc trên phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức, kể cả đối với các đơn vị trực thuộc (qua theo dõi của Phòng Công chức viên chức thuộc Sở Nội vụ, thời điểm đánh giá tính đến 31/12 hàng năm)</b>	<b>2</b>
a)	100% hồ sơ được cập nhật kịp thời theo quy định (Nếu có các lỗi nghiêm trọng gồm: Nhập trùng hồ sơ; công chức đã nghỉ việc, về hưu; tuyển dụng thêm nhân sự mới nhưng vẫn chưa thực hiện nghiệp vụ điện tử tương ứng thì chỉ được tối đa 01 điểm)	2

STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
b)	Từ 90 đến dưới 100% hồ sơ được cập nhật kịp thời theo quy định	1
<b>5</b>	<b>Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức của đơn vị đúng, đầy đủ, kịp thời (thông qua điều tra, khảo sát)</b>	<b>1</b>
a)	Tốt	1
b)	Khá	0,5
<b>6</b>	<b>Thúc đẩy phong trào lao động sáng tạo trong cơ quan, đơn vị</b>	<b>1,5</b>
a)	Có Quy chế về hoạt động sáng kiến	0,5
b)	Có xét công nhận sáng kiến và thực hiện khen thưởng riêng cho các sáng kiến của công chức đã được công nhận ( <i>không tính khen thưởng đối với những trường hợp các sáng kiến là cơ sở để xét các hình thức thi đua khen thưởng như chiến sĩ thi đua cơ sở</i> )	1
<b>7</b>	<b>Về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức</b>	<b>1,5</b>
a)	Có theo dõi, đánh giá việc chấp hành việc cử đi đào tạo, bồi dưỡng của công chức ( <i>đối với những đơn vị có thông báo về việc công chức không chấp hành quy định về đào tạo, bồi dưỡng của Sở Nội vụ thì không đạt</i> )	0,5
b)	Có văn bản, chủ trương thống nhất chính sách hỗ trợ riêng của đơn vị và triển khai thực hiện trên thực tế đối với công chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ( <i>ngoài chế độ theo quy định</i> ) <sup>3</sup> <i>Ghi chú: Trường hợp có hỗ trợ trên thực tế nhưng không có quy định thống nhất của đơn vị thì chỉ được tối đa nửa số điểm</i>	1
<b>8</b>	<b>Thực hiện đúng và đầy đủ quy trình về việc bổ nhiệm lãnh đạo quản lý, tiếp nhận, điều động luân chuyển trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp (thông qua theo dõi của Phòng Công chức viên chức, Sở Nội vụ)</b>	<b>1</b>
<b>9</b>	<b>Thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 11/9/2013 của Ban Thường vụ Thành ủy và Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 18/11/2016 của Chủ tịch UBND thành phố (thông qua theo dõi đánh giá của Thanh tra, Sở Nội vụ)</b>	<b>3</b>
a)	Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện	1
-	Có xây dựng kế hoạch triển khai	0,5
-	Kế hoạch đầy đủ các nội dung theo yêu cầu; có giải pháp cụ thể, rõ ràng, có thể lượng hóa được kết quả đầu ra	0,5
b)	Báo cáo tình hình thực hiện	1
-	Báo cáo định kỳ 6 tháng và cuối năm đúng thời hạn (mỗi báo cáo thiếu hoặc trễ hạn trừ 0,25 điểm)	0,5
-	Báo cáo định kỳ 6 tháng và cuối năm đảm bảo các nội dung theo yêu cầu (mỗi báo cáo không đảm bảo nội dung theo yêu cầu trừ	0,5

<sup>3</sup> Chính sách hỗ trợ riêng ngoài chế độ theo quy định được hiểu là ngoài việc hỗ trợ về thời gian, lương theo quy định thì đơn vị còn hỗ trợ người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc tự đào tạo bồi dưỡng một khoản kinh phí khác (ngoài lương)



STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
	0,25 điểm)	
c)	Tỉ lệ kết quả hoàn thành kế hoạch:	1
-	Đạt từ 90% trở lên	1
-	Từ 80% đến dưới 90%	0,5
<b>VI</b>	<b>CẢI CÁCH CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG</b>	<b>10</b>
<b>1</b>	<b>Đánh giá việc thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ cơ quan, đơn vị (thông qua điều tra, khảo sát)</b>	<b>1</b>
a)	Tốt	1
b)	Khá	0,5
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện tiết kiệm chi phí hành chính để tăng thêm thu nhập theo ND 130/ND-CP (kết quả tăng thu nhập so với mức lương tối thiểu theo số liệu từ Sở Tài chính)</b>	<b>2</b>
a)	Tăng trên 1 lần lương tối thiểu	2
b)	Từ 0,5 đến 1 lần lương tối thiểu	1,5
c)	Từ 0,1 đến 0,5 lần lương tối thiểu	1
<b>3</b>	<b>Thực hiện việc phân phối thu nhập tăng thêm dựa trên kết quả phân loại công chức theo đánh giá kết quả làm việc hàng tháng</b>	<b>3</b>
a)	Ban hành quy định, quy chế phân phối thu nhập tăng thêm dựa trên kết quả phân loại công chức theo đánh giá kết quả làm việc hàng tháng <i>Ghi chú: Việc phân phối thu nhập tăng thêm dựa trên kết quả kết quả phân loại công chức nhưng không có quy định về việc phân loại công chức dựa trên kết quả làm việc hàng tháng thì không đạt điểm mục này</i>	1,5
b)	Tổ chức triển khai thực hiện trên thực tế	1,5
<b>4</b>	<b>Nỗ lực thực hiện các giải pháp nâng cao thu nhập, đời sống của công chức (thông qua điều tra, khảo sát)</b>	<b>1</b>
a)	Tốt	1
b)	Khá	0,5
<b>5</b>	<b>Công tác lập dự toán (qua theo dõi của Sở Tài chính)</b>	<b>1</b>
a)	Lập dự toán sát với thực tế triển khai (tránh bổ sung nhiều lần trong năm)	0,5
b)	Thời gian gửi dự toán cho cơ quan tài chính cùng cấp đảm bảo quy định	0,5
<b>6</b>	<b>Tình hình chấp hành dự toán (qua theo dõi của Sở Tài chính)</b>	<b>2</b>
a)	Đảm bảo đạt 100% dự toán thu (phí, lệ phí, thu sự nghiệp, thu dịch vụ) so với dự toán được cấp có thẩm quyền giao	1
b)	Thực hiện chi theo dự toán theo đúng chế độ, chính sách, định mức chi tiêu tài chính hiện hành (đối với chi thường xuyên)	0,5
c)	Đảm bảo đúng thời gian, biểu mẫu, chất lượng theo quy định về việc lập và nộp báo cáo quyết toán năm	0,5
<b>VII</b>	<b>HIỆN ĐẠI HOÁ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH</b>	<b>15</b>
<b>1</b>	<b>Ứng dụng Hệ thống thư điện tử thành phố</b>	<b>1</b>

STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
a)	Lãnh đạo đơn vị thường xuyên sử dụng thư điện tử trong công việc (đạt từ 90% trở lên)	0,5
b)	Tỷ lệ CBCC thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc (đạt từ 90% trở lên)	0,5
<b>2</b>	<b>Xây dựng phần mềm và hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ hiệu quả, kịp thời cho công tác quản lý chuyên ngành (liệt kê 3 phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành sử dụng hiệu quả cho công tác quản lý tại đơn vị)<sup>4</sup></b>	<b>3</b>
a)	Phần mềm và cơ sở dữ liệu thứ 1	1
b)	Phần mềm và cơ sở dữ liệu thứ 2	1
c)	Phần mềm và cơ sở dữ liệu thứ 3	1
<b>3</b>	<b>Ứng dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tại đơn vị</b>	<b>4</b>
a)	100% văn bản đến (trừ văn bản mật) được lưu trên hệ thống	1
b)	100% văn bản đi (trừ văn bản mật) được lưu trên hệ thống	1
c)	Trên 70% số lượng văn bản đi được tạo ra từ công việc hoặc văn bản đến (trừ văn bản mật) trên hệ thống	1
d)	30% văn bản được liên thông trên hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (trừ văn bản mật)	1
<b>4</b>	<b>Về trang thông tin điện tử chuyên ngành của đơn vị</b>	<b>2</b>
a)	Công khai và cập nhật thông tin về số điện thoại, hộp thư điện tử của các lãnh đạo đơn vị, phòng ban chuyên môn, bộ phận tiếp nhận đơn vị trực thuộc để công dân, tổ chức tiện liên hệ	0,5
b)	Đăng Báo cáo 6 tháng, báo cáo năm và kế hoạch trong năm đánh giá	0,5
c)	Đăng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực giai đoạn 05 năm 2015 – 2020	0,5
d)	Có cung cấp thông tin, dữ liệu chuyên ngành và được cập nhật thường xuyên	0,5
<b>5</b>	<b>Thực hiện cung cấp các dịch vụ để giải quyết TTHC trực tuyến (sau đây được viết tắt là DVGQTTHCTT) hoặc mức độ tin học hóa các quy trình, thủ tục có liên quan đến công dân</b>	<b>5</b>
a)	Về số lượng DVGQTTHCTT hoặc số lượng quy trình, thủ tục được tin học hóa	3
-	Có xây dựng DVGQTTHCTT mức độ 3,4 trong năm đánh giá	1
-	Số lượng DVGQTTHCTT của đơn vị được cung cấp ở mức độ 3, 4 (quy trình, thủ tục có liên quan đến công dân, tổ chức được tin học hóa toàn bộ)	2
+	Từ 20% trở lên tổng số TTHC	2

<sup>4</sup> Hiệu quả sử dụng của mỗi phần mềm được tính như sau: (Số lượng bản ghi lưu trữ trên phần mềm/Số liệu thống kê thực tế)\*Số điểm. Kỳ thống kê không tính theo năm đánh giá mà đánh giá toàn bộ các dữ liệu đã phát sinh trừ trước đến nay.

STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
+	Từ 10% đến dưới 20% tổng số TTHC	1
b)	Về tỉ lệ hồ sơ tiếp nhận thông qua môi trường trực tuyến mức độ 3 hoặc số lượt tổ chức, công dân được giải quyết các công việc thông qua các quy trình/thủ tục được tin học hóa so với tiếp nhận trực tiếp <sup>5</sup>	2
-	Từ 60% trở lên	2
-	Từ 50% đến dưới 60%	1,5
-	Từ 40% đến dưới 50%	1
<b>VIII</b>	<b>TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐẾN CÔNG TÁC XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NGÀNH VÀ SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>5</b>
<b>1</b>	<b>Kết quả thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại cơ quan, đơn vị (thông qua điều tra khảo sát)</b>	<b>1</b>
a)	Tốt	1
b)	Khá	0,5
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện công tác tiếp nhận và giải quyết đơn thư kiến nghị, khiếu nại tố cáo của đơn vị (thông qua điều tra khảo sát)</b>	<b>2</b>
a)	Tốt	2
b)	Khá	1
<b>3</b>	<b>Đánh giá của đại biểu HĐND, MTTQVN về chất lượng quản lý điều hành, việc giải quyết các ý kiến của cử tri (thông qua điều tra, khảo sát)</b>	<b>1</b>
a)	Tốt	1
b)	Khá	0,5
<b>4</b>	<b>Đánh giá của các UBND quận, huyện về công tác chỉ đạo, điều hành của đơn vị (thông qua điều tra, khảo sát)</b>	<b>1</b>
a)	Tốt	1
b)	Khá	0,5
<b>IX</b>	<b>ĐIỂM THƯỞNG VÀ ĐIỂM TRỪ</b>	
<b>1</b>	<b>Điểm thưởng</b>	<b>12</b>
a)	Đơn vị có cung ứng DVHCCTT ở mức độ 4 từ 10% số TTHC trở lên	1,5
b)	Thực hiện đơn giản hóa hoặc kiến nghị đơn giản hóa TTHC được chấp thuận (về mặt thời gian, thành phần hồ sơ, quy trình...) từ 20% số TTHC trở lên	1,5
c)	Có tổ chức các hoạt động đối thoại với các đối tượng thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị và xử lý các kiến nghị được nêu ra tại buổi đối thoại	1
d)	Sáng kiến có liên quan đến công tác CCHC được Hội đồng xét sáng kiến thành phố công nhận có tác dụng, ảnh hưởng đối với thành phố (cứ một sáng kiến cộng 01 điểm, tối đa không quá 2 điểm)	2

<sup>5</sup> Đối với các đơn vị có số lượng hồ sơ tiếp nhận trên 5000 lượt/năm thì thang yêu cầu về tỉ lệ giảm đi 10% ứng với mỗi mức điểm, ví dụ: 50% hồ sơ vẫn đạt 2đ.

STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
đ)	Có tăng số TTHC chưa thực hiện một cửa ra công bố thực hiện một cửa, một cửa liên thông	1
-	Từ 10% số TTHC trở lên	1
-	Từ 5% - dưới 10% số TTHC	0,5
e)	Thực hiện thí điểm các nội dung CCHC	3
-	Tự nguyện đăng ký thí điểm và được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận; triển khai có hiệu quả trong thực tế	3
-	Được cơ quan có thẩm quyền chọn là đơn vị thí điểm và triển khai thực hiện có hiệu quả trong thực tế	2
f)	Tham gia các cuộc thi liên quan đến CCHC do thành phố tổ chức	2
-	Tham gia đầy đủ	1
-	Tham gia, đạt các giải thưởng (nhất, nhì, ba)	2
<b>2</b>	<b>Điểm trừ</b>	<b>12</b>
a)	Chưa hoàn thành việc xây dựng Đề án vị trí việc làm (chưa trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc đã trình nhưng không đảm bảo chất lượng phải xây dựng lại nhiều lần vẫn chưa phê duyệt được)	1
b)	Có đơn thư tố cáo, kiến nghị đúng sự thật về thái độ, hành vi gây phiền hà, những nhiễu của cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị	1
c)	Thực hiện không tốt các nội dung về quản lý đề báo đài và các phương tiện thông tin truyền thông phản ánh đúng sự thật	1
d)	Có đơn vị trực thuộc thực hiện công tác CCHC yếu, bị dư luận, bị lãnh đạo thành phố phản ánh, phê bình	1
đ)	Không hoàn thành nhiệm vụ CCHC mà UBND thành phố giao riêng tại Kế hoạch CCHC thành phố trong năm mà không có lý do chính đáng	1
e)	Không thực hiện việc xin lỗi công dân hoặc không có văn bản giải thích cụ thể đối với các trường hợp hồ sơ trễ hẹn hoặc trả lại (kể cả trường hợp thẩm quyền quyết định của UBND thành phố)	1
-	Từ 30% trở lên số trường hợp trễ hẹn/trả lại	1
-	Từ 10% đến dưới 30% số trường hợp trễ hẹn/trả lại	0,5
f)	Không triển khai hoặc triển khai chưa đầy đủ việc lấy ý kiến điều tra xã hội học phục vụ đánh giá xếp hạng CCHC của thành phố	2
-	Không triển khai	2
-	Có triển khai nhưng chưa đầy đủ	1
g)	Không triển khai các nội dung trong Bộ Chỉ số CCHC của Bộ Nội vụ dù đã có văn bản nhắc nhở, gây ảnh hưởng trực tiếp đến điểm xếp hạng của thành phố	1
h)	Thực hiện cung cấp các thông tin chậm trễ làm ảnh hưởng đến việc triển khai đánh giá và công bố kết quả xếp hạng CCHC của thành phố	1
i)	Không triển khai thực hiện các nội dung thí điểm theo chỉ đạo của UBND thành phố	1
j)	Có công chức hoặc viên chức bị xử lý kỷ luật	1



## PHỤ LỤC II

**Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá, xếp hạng kết quả cải cách hành chính đối với các Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn thành phố**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 6327/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2017 của UBND thành phố Đà Nẵng)*

STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
<b>I</b>	<b>CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH</b>	<b>21</b>
<b>1</b>	<b>Xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính (sau đây viết tắt là CCHC) hàng năm</b>	<b>2,5</b>
a)	Ban hành đúng thời hạn và cập nhật đầy đủ kế hoạch lên phần mềm <a href="http://www.cchc.danang.gov.vn">www.cchc.danang.gov.vn</a> (trước ngày 31/01 hàng năm)	1
b)	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo Kế hoạch CCHC của thành phố	1
c)	Các nhiệm vụ cụ thể hóa được kết quả hoàn thành và xác định rõ trách nhiệm triển khai	0,5
<b>2</b>	<b>Công tác quản trị tiến độ và mức độ hoàn thành Kế hoạch</b>	<b>3,5</b>
a)	Thực hiện cập nhật tiến độ trên phần mềm đầy đủ (theo 06 tháng và năm) <i>Nếu không cập nhật tiến độ 6 tháng trừ 0,25 điểm, nếu cập nhật 06 tháng nhưng không cập nhật tiến độ năm không có điểm</i>	0,5
b)	Mức độ hoàn thành Kế hoạch/Chương trình CCHC <i>(trong trường hợp có nhiệm vụ do UBND giao nhưng đơn vị không hoàn thành thì việc đánh giá về Kế hoạch/Chương trình CCHC của đơn vị được chấm tối đa 1 điểm; Các nhiệm vụ không cụ thể hóa được kết quả hoàn thành thì xem như là 01 nhiệm vụ không hoàn thành)</i>	3
-	100% kế hoạch	3
-	Từ 85% đến dưới 100%	2
-	Từ 80% đến dưới 85%	1
<b>3</b>	<b>Thực hiện kiểm tra CCHC tại các đơn vị trực thuộc có thực hiện các nhiệm vụ về công tác CCHC (tỉ lệ % đơn vị trực thuộc được kiểm tra)<sup>6</sup></b>	<b>1</b>
a)	Từ 90% đơn vị trực thuộc trở lên	1
b)	Từ 80% đến dưới 90%	0,5
<b>4</b>	<b>Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị</b>	<b>1</b>
a)	Triển khai theo kế hoạch đề ra	0,5
b)	Xử lý các vấn đề phát hiện thông qua Thanh tra, kiểm tra	0,5
<b>5</b>	<b>Thực hiện báo cáo kết quả CCHC trực tuyến</b>	<b>2</b>
a)	Đầy đủ và đúng thời hạn 2 báo cáo ( <i>thiếu hoặc trễ mỗi báo cáo trừ</i>	1

<sup>6</sup> Đối với đơn vị chỉ có 1-2 đơn vị trực thuộc thì phải có kiểm tra chuyên đề về CCHC; Đối với đơn vị có từ 10 đơn vị trực thuộc trở lên: thì tiêu chí đánh giá sẽ là: 7 đơn vị trở lên: 1đ; 5-6 đơn vị: 0,5đ; Đối với đơn vị không có đơn vị trực thuộc thực hiện nhiệm vụ về CCHC (Sở Tài chính, Thanh tra): Đánh giá thông qua số lượng các cơ quan, đơn vị được kiểm tra về những nội dung quản lý chuyên ngành.

STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
	<i>0,5 điểm)</i>	
b)	Đầy đủ các nội dung theo mẫu yêu cầu ( <i>mỗi báo cáo không đầy đủ các nội dung theo mẫu yêu cầu trừ 0,5 điểm</i> )	1
<b>6</b>	<b>Công tác tuyên truyền CCHC</b>	<b>5</b>
a)	<b>Kế hoạch tuyên truyền</b>	<b>1</b>
-	Có kế hoạch tuyên truyền riêng hoặc lồng ghép chung trong kế hoạch CCHC năm của đơn vị	0,5
-	Kế hoạch phải cụ thể các hình thức tuyên truyền và thời gian thực hiện	0,5
b)	<b>Các hình thức tuyên truyền:</b>	<b>4</b>
-	Đủ ba hình thức tuyên truyền: (1) Tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp, tập huấn chuyên đề CCHC; (2) đăng thông tin CCHC trên website của địa phương; (3) đăng thông tin trên báo, đài truyền thanh, truyền hình: 01 điểm ( <i>thiếu mỗi hình thức trừ 01 điểm, tối đa trừ không quá 2 điểm</i> )	2
-	Tuyên truyền bằng các hình thức: Tổ chức cuộc thi; tạo đàn; sân khấu hóa; tờ rơi (thiết kế, in màu); các vật dụng có in nội dung tuyên truyền CCHC để phát đến tổ chức, công dân; video clip...: ( <i>Mỗi hình thức 01 điểm, tối đa 2 điểm</i> )	2
<b>6</b>	<b>Những giải pháp về chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo đơn vị trong thực hiện CCHC</b>	<b>3</b>
a)	Tổ chức đánh giá, sơ kết, tổng kết công tác CCHC của đơn vị hằng năm ( <i>nếu tổ chức lồng ghép vào Hội nghị cuối năm thì phải được thể hiện rõ trong chương trình, được thảo luận và thể hiện rõ trong kết luận hội nghị</i> )	1
b)	Thực hiện biểu dương, khen thưởng tại các cuộc họp cơ quan hàng tháng, hàng quý hoặc xử lý kỷ luật, phê bình cán bộ, công chức, đơn vị trực thuộc trong thực hiện công tác CCHC của đơn vị theo các quy định hiện hành ( <i>thể hiện bằng văn bản, thông báo cụ thể và không tính đối với các trường hợp khen thưởng kết quả làm việc định kỳ</i> )	1
c)	Đánh giá về mức độ quyết tâm trong công tác CCHC của thủ trưởng đơn vị đối với công tác cải cách hành chính ( <i>thông qua điều tra, khảo sát</i> )	1
-	Tốt	1
-	Khá	0,5
<b>7</b>	<b>Sáng kiến trong CCHC được Hội đồng khoa học cấp cơ sở công nhận hoặc đơn vị tự chọn từ những sáng kiến tiêu biểu (đối với trường hợp đơn vị không có Hội đồng khoa học cấp cơ sở xét sáng kiến)</b> <i>01 giải pháp đầu tiên được tính 2 điểm, thêm 01 giải pháp thì được cộng 01 điểm, tối đa không quá 3 điểm.</i> <i>Mỗi đơn vị lựa chọn và kê khai tối đa 04 sáng kiến cấp cơ sở để trình Hội đồng đánh giá xếp hạng CCHC hàng năm xem xét.</i>	<b>3</b>
<b>II</b>	<b>HOÀN THIỆN HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>9</b>

STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
<b>1</b>	<b>Thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị hằng năm</b>	<b>2</b>
a)	Rà soát đầy đủ kịp thời có chất lượng, lập hồ sơ rà soát đầy đủ theo đúng quy định	1
b)	Xử lý kịp thời, đúng hình thức quy định	1
<b>2</b>	<b>Đánh giá về văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quản lý chỉ đạo điều hành do đơn vị ban hành hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành (thông qua điều tra, khảo sát)</b>	<b>1</b>
a)	Ban hành đúng thẩm quyền, hình thức, đảm bảo tính kịp thời khả thi	0,5
b)	Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp đồng bộ thống nhất trong hệ thống văn bản	0,5
<b>3</b>	<b>Tính minh bạch của các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, chỉ đạo điều hành, quy hoạch, kế hoạch...do đơn vị ban hành hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành (thông qua điều tra, khảo sát)</b>	<b>1</b>
a)	Dễ tiếp cận, tìm hiểu văn bản	0,5
b)	Đầy đủ thông tin	0,5
<b>4</b>	<b>Thực hiện công bố, công khai thủ tục hành chính (sau đây viết tắt là TTHC) đúng quy định</b>	<b>2</b>
a)	Thực hiện rà soát, kiến nghị công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết ít nhất 01 lần/năm	1
b)	Công khai đầy đủ bộ TTHC hiện hành tại website của đơn vị và được thực hiện trên thực tế	1
<b>5</b>	<b>Kết quả của các TTHC đã được đơn giản hóa hoặc kiến nghị đơn giản hóa trong năm</b>	<b>3</b>
a)	Có kiến nghị đơn giản hóa TTHC từ 10% tổng số TTHC	1,5
b)	Kiến nghị đơn giản hóa được phê duyệt và được thực hiện trên thực tế	1,5
<b>III</b>	<b>THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG</b>	<b>13</b>
<b>1</b>	<b>100% TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị</b>	<b>1</b>
<b>2</b>	<b>Sử dụng và ứng dụng phần mềm điện tử phục vụ công tác tiếp nhận và theo dõi, quản lý hồ sơ</b>	<b>4</b>
a)	Tiếp nhận 100% hồ sơ trên phần mềm	1
b)	Có khả năng thống kê và trích xuất kết quả tiếp nhận và xử lý hồ sơ theo quy định	1
c)	Có khả năng trích xuất danh sách công dân, tổ chức thực hiện giao dịch với đầy đủ thông tin theo quy định	1
d)	Có luân chuyển, xử lý hồ sơ, ban hành kết quả xử lý (nếu tỷ lệ từ 95% đến dưới 100% thì được nửa số điểm, dưới tỉ lệ trên không tính điểm)	1
<b>3</b>	<b>Tỷ lệ hồ sơ được giải quyết đúng và sớm hạn</b>	<b>2</b>
a)	100% hồ sơ	2

STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
b)	Từ 90% đến dưới 100% hồ sơ	1
<b>4</b>	<b>Thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của tổ chức, công dân đối với dịch vụ hành chính công của cơ quan, đơn vị</b>	<b>3</b>
a)	Số lượng ý kiến trả lời khảo sát đảm bảo quy định hiện hành của thành phố ( <i>thông qua hình thức trực tiếp và trực tuyến, nếu số lượng không đảm bảo chỉ được tối đa nửa số điểm</i> ) <i>Ghi chú: Số lượng ý kiến khảo sát phải đảm bảo tỷ lệ trên số lượt hồ sơ, không tính trên số lượng đối tượng thực hiện thủ tục hành chính</i>	1,5
b)	Có đánh giá kết quả khảo sát và đề xuất giải pháp cải thiện việc cung ứng dịch vụ hành chính công của đơn vị trong thời gian tới (bao gồm cả kết quả của các đơn vị khảo sát độc lập như Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế Xã hội, Trung tâm Thông tin dịch vụ công thành phố)	1,5
<b>5</b>	<b>Kết quả đánh giá của tổ chức, công dân khi thực hiện giao dịch thủ tục hành chính (thông qua phần mềm đánh giá trực tuyến).</b> <i>(đối với đơn vị mà khách hàng chỉ bao gồm cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố thì tỉ lệ đảm bảo được tính 10% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận)</i> <i>Nếu thẩm định thông tin có 10% trên tổng tỷ lệ khảo sát thông tin không đúng thì điểm trừ 50% số điểm (sẽ kiểm chứng theo xác suất từ 20-30% số lượng khảo sát trong năm của đơn vị)</i> <i>Nếu số lượng phiếu khảo sát chưa đảm bảo chỉ được tối đa nửa số điểm (số lượng phiếu trực tuyến phải đảm bảo tỉ lệ theo Quy định tại Khung khảo sát mức độ hài lòng ban hành kèm theo QĐ số 5489/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2016 của UBND thành phố)</i>	<b>3</b>
a)	Từ 90% trở lên đánh giá hài lòng	3
b)	Từ 85% đến dưới 90 % đánh giá hài lòng	2
c)	Từ 70% đến dưới 85% đánh giá hài lòng	1
<b>IV</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY</b>	<b>7</b>
<b>1</b>	<b>Đánh giá về việc thực hiện và cập nhật kịp thời Quy chế làm việc nội bộ của cơ quan, đơn vị theo quy định (thông qua điều tra, khảo sát)</b>	<b>2</b>
a)	Tốt	2
b)	Khá	1
<b>2</b>	<b>Đánh giá mối quan hệ phối hợp giữa các phòng, ban trong giải quyết công việc (thông qua điều tra, khảo sát)</b>	<b>1</b>
a)	Tốt	1
b)	Khá	0,5
<b>3</b>	<b>Áp dụng và duy trì chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trong hoạt động quản lý hành chính</b>	<b>1</b>
<b>4</b>	<b>Thực hiện phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức,</b>	<b>3</b>



STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
	<b>giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của đơn vị đến các đơn vị trực thuộc</b>	
a)	Tham mưu Quyết định phân cấp quản lý ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền của đơn vị đến các đơn vị trực thuộc	1,5
b)	Quyết định được phê duyệt và được triển khai thực hiện trên thực tế	1,5
<b>V</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC</b>	<b>16</b>
<b>1</b>	<b>Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức của đơn vị đúng, đầy đủ, kịp thời (thông qua điều tra, khảo sát)</b>	<b>1</b>
<b>2</b>	<b>Xây dựng và cập nhật Phần mềm quản lý cán bộ, công chức</b>	<b>3</b>
a)	Thực hiện xây dựng Phần mềm quản lý cán bộ, công chức tại đơn vị	1,5
b)	Thực hiện cập nhật kịp thời và đầy đủ thông tin về công chức các phòng, ban, đơn vị trực thuộc trên phần mềm	1,5
<b>3</b>	<b>Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của công chức, viên chức, người lao động tại đơn vị và các đơn vị trực thuộc</b>	<b>2</b>
a)	Có xây dựng Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác của công chức, viên chức, người lao động	1
b)	Triển khai thực hiện trên thực tế (theo đúng Kế hoạch đã đề ra)	1
<b>4</b>	<b>Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức của đơn vị đúng, đầy đủ, kịp thời (thông qua điều tra, khảo sát)</b>	<b>1</b>
a)	Tốt	1
b)	Khá	0,5
<b>5</b>	<b>Thúc đẩy phong trào lao động sáng tạo trong cơ quan, đơn vị</b>	<b>3</b>
a)	Có Quy chế về hoạt động sáng kiến	1
b)	Có xét công nhận sáng kiến và thực hiện khen thưởng riêng cho các sáng kiến của công chức đã được công nhận (không tính khen thưởng đối với những trường hợp các sáng kiến là cơ sở để xét các hình thức thi đua khen thưởng như chiến sĩ thi đua cơ sở)	2
<b>6</b>	<b>Về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức</b>	<b>3</b>
a)	Có Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm và triển khai theo Kế hoạch cho công chức viên chức	1
-	Có Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm	0,5
-	Triển khai trên thực tế	0,5
b)	Có theo dõi, đánh giá việc chấp hành việc cử đi đào tạo, bồi dưỡng của công chức (đối với những đơn vị có thông báo về việc công chức không chấp hành quy định về đào tạo, bồi dưỡng của Sở Nội vụ thì không đạt)	1
c)	Có văn bản, chủ trương thống nhất chính sách hỗ trợ riêng của địa phương và triển khai thực hiện trên thực tế đối với công chức được	1

STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
	cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ (ngoài chế độ theo quy định) <i>Ghi chú: Trường hợp có hỗ trợ trên thực tế nhưng không có quy định thống nhất của địa phương thì chỉ được tối đa nửa số điểm</i>	
7	<b>Thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 11/9/2013 của Ban Thường vụ Thành ủy và Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 18/11/2016 của Chủ tịch UBND thành phố (thông qua theo dõi đánh giá của Thanh tra Sở thuộc Sở Nội vụ)</b>	3
a)	Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện	1
-	Có xây dựng kế hoạch triển khai	0,5
-	Kế hoạch đầy đủ các nội dung theo yêu cầu; có giải pháp cụ thể, rõ ràng, có thể lượng hóa được kết quả đầu ra	0,5
b)	Báo cáo tình hình thực hiện	1
-	Báo cáo định kỳ 6 tháng và cuối năm đúng thời hạn (mỗi báo cáo thiếu hoặc trễ hạn trừ 0,25 điểm)	0,5
-	Báo cáo định kỳ 6 tháng và cuối năm đảm bảo các nội dung theo yêu cầu (mỗi báo cáo không đảm bảo nội dung theo yêu cầu trừ 0,25 điểm)	0,5
c)	Tỉ lệ kết quả hoàn thành kế hoạch:	1
-	Đạt từ 90% trở lên	1
-	Từ 80% đến dưới 90%	0,5
<b>VI</b>	<b>CẢI CÁCH CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG</b>	<b>8</b>
<b>1</b>	<b>Đánh giá việc thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ cơ quan, đơn vị (thông qua điều tra, khảo sát)</b>	<b>2</b>
a)	Tốt	2
b)	Khá	1
<b>2</b>	<b>Thực hiện việc phân phối thu nhập tăng thêm dựa trên kết quả phân loại công chức theo đánh giá kết quả làm việc hàng tháng</b>	<b>3</b>
a)	Ban hành quy định, quy chế phân phối thu nhập tăng thêm dựa trên kết quả phân loại công chức theo đánh giá kết quả làm việc hàng tháng <i>Ghi chú: Việc phân phối thu nhập tăng thêm dựa trên kết quả kết quả phân loại công chức nhưng không có quy định về việc phân loại công chức dựa trên kết quả làm việc hàng tháng thì không đạt điểm mục này,</i>	1,5
b)	Tổ chức triển khai thực hiện trên thực tế	1,5
<b>3</b>	<b>Nỗ lực thực hiện các giải pháp nâng cao thu nhập, đời sống của công chức (thông qua điều tra, khảo sát)</b>	<b>1</b>
a)	Tốt	1
b)	Khá	0,5

<sup>7</sup> Chính sách hỗ trợ riêng ngoài chế độ theo quy định được hiểu là ngoài việc hỗ trợ về thời gian, lương theo quy định thì đơn vị còn hỗ trợ người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc tự đào tạo bồi dưỡng một khoản kinh phí khác (ngoài lương)

STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
4	<b>Về xây dựng, công khai và quyết toán kinh phí tài chính</b>	2
a)	Xây dựng và công khai dự toán theo đúng quy định	1
b)	Thực hiện quyết toán kinh phí đúng quy định	1
<b>VII</b>	<b>HIỆN ĐẠI HOÁ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH</b>	<b>20</b>
<b>1</b>	<b>Ứng dụng Hệ thống thư điện tử thành phố</b>	<b>2</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị thường xuyên sử dụng thư điện tử trong công việc (đạt từ 90% trở lên)	1
b)	Tỷ lệ CBCCC thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc (đạt từ 90% trở lên)	1
<b>2</b>	<b>Xây dựng phần mềm và hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ hiệu quả, kịp thời cho công tác quản lý chuyên ngành (liệt kê 3 phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành sử dụng hiệu quả cho công tác quản lý tại đơn vị)<sup>8</sup></b>	<b>4</b>
a)	Phần mềm và cơ sở dữ liệu thứ 1	2
b)	Phần mềm và cơ sở dữ liệu thứ 2	1
c)	Phần mềm và cơ sở dữ liệu thứ 3	1
<b>3</b>	<b>Ứng dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tại đơn vị</b>	<b>6</b>
a)	100% văn bản đến được lưu trên hệ thống	1,5
b)	100% văn bản đi được lưu trên hệ thống	1,5
c)	Trên 70% số lượng văn bản đi được tạo ra từ công việc hoặc văn bản đến trên hệ thống	1,5
d)	30% văn bản được liên thông trên hệ thống Quản lý văn bản và điều hành	1,5
<b>4</b>	<b>Về trang thông tin điện tử chuyên ngành của đơn vị</b>	<b>3</b>
a)	Công khai và cập nhật thông tin về số điện thoại, hộp thư điện tử của các lãnh đạo đơn vị, phòng ban chuyên môn, bộ phận tiếp nhận đơn vị trực thuộc để công dân, tổ chức liên hệ	0,5
b)	Đăng Báo cáo 6 tháng, báo cáo năm và kế hoạch trong năm đánh giá	1
c)	Đăng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực giai đoạn 05 năm 2015 – 2020	0,5
d)	Có cung cấp thông tin, dữ liệu chuyên ngành và được cập nhật thường xuyên	1
<b>5</b>	<b>Thực hiện cung cấp các dịch vụ để giải quyết TTHC trực tuyến (sau đây được viết tắt là DVGQTTHCTT) hoặc mức độ tin học hóa các quy trình, thủ tục có liên quan đến công dân</b>	<b>5</b>
a)	Về số lượng DVGQTTHCTT hoặc số lượng quy trình, thủ tục được tin học hóa	3
-	Có tăng số lượng ứng dụng DVGQTTHCTT mức độ 3,4 được xây dựng trong năm đánh giá	1

<sup>8</sup> Hiệu quả sử dụng của mỗi phần mềm được tính như sau: (Số lượng bản ghi lưu trữ trên phần mềm/Số liệu thống kê thực tế)\*Số điểm. Kỳ thống kê không tính theo năm đánh giá mà đánh giá toàn bộ các dữ liệu đã phát sinh từ trước đến nay.

STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
-	Số lượng DVGQTTHCTT của đơn vị được cung cấp ở mức độ 3, 4 (quy trình, thủ tục có liên quan đến công dân, tổ chức được tin học hóa toàn bộ)	2
+	Từ 20% trở lên tổng số TTHC	2
+	Từ 10% đến dưới 20% tổng số TTHC	1
b)	Về tỉ lệ hồ sơ tiếp nhận thông qua môi trường trực tuyến mức độ 3 hoặc số lượt tổ chức, công dân được giải quyết các công việc thông qua các quy trình/thủ tục được tin học hóa so với tiếp nhận trực tiếp <sup>9</sup>	2
-	Từ 60% trở lên	2
-	Từ 50% đến dưới 60%	1,5
-	Từ 40% đến dưới 50%	1
<b>VIII</b>	<b>TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐẾN CÔNG TÁC XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NGÀNH VÀ SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>6</b>
<b>1</b>	<b>Kết quả thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại cơ quan, đơn vị (thông qua điều tra khảo sát)</b>	<b>2</b>
a)	Tốt	2
b)	Khá	1
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện công tác tiếp nhận và giải quyết đơn thư kiến nghị, khiếu nại tố cáo của đơn vị (thông qua điều tra khảo sát)</b>	<b>1</b>
a)	Tốt	1
b)	Khá	0,5
<b>3</b>	<b>Đánh giá của đại biểu HĐND, MTTQVN về chất lượng quản lý điều hành, việc giải quyết các ý kiến của cử tri (thông qua điều tra, khảo sát)</b>	<b>2</b>
a)	Tốt	2
b)	Khá	1
<b>4</b>	<b>Đánh giá của các đơn vị trực thuộc về công tác chỉ đạo, điều hành của đơn vị (thông qua điều tra, khảo sát)</b>	<b>1</b>
a)	Tốt	1
b)	Khá	0,5
<b>IX</b>	<b>ĐIỂM THƯỞNG VÀ ĐIỂM TRỪ</b>	
<b>1</b>	<b>Điểm thưởng</b>	<b>10</b>
a)	Đơn vị có cung ứng DVHCCTT ở mức độ 4 từ 10% số TTHC trở lên	1,5
b)	Thực hiện đơn giản hóa hoặc kiến nghị đơn giản hóa TTHC được chấp thuận (về mặt thời gian, thành phần hồ sơ, quy trình...) từ 20% số TTHC trở lên	1,5
c)	Có tổ chức các hoạt động đối thoại với các đối tượng thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị và xử lý các kiến nghị được nêu ra tại buổi đối thoại	1
d)	Có sáng kiến cấp thành phố được Hội đồng xét sáng kiến thành phố	2

<sup>9</sup> Đối với các đơn vị có số lượng hồ sơ tiếp nhận trên 5000 lượt/năm thì thang yêu cầu về tỉ lệ giảm đi 10% ứng với mỗi mức điểm, ví dụ: 50% hồ sơ vẫn đạt 2đ.

STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
	<i>công nhận (cứ một sáng kiến cộng 01 điểm, tối đa không quá 2 điểm)</i>	
đ)	Có tăng số TTHC chưa thực hiện một cửa ra công bố thực hiện một cửa, một cửa liên thông	1
-	Từ 10% số TTHC trở lên	1
-	Từ 5% đến dưới 10% số TTHC	0,5
e)	Thực hiện thí điểm các nội dung CCHC	3
-	Tự nguyện đăng ký thí điểm và được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận; triển khai có hiệu quả trong thực tế	3
-	Được cơ quan có thẩm quyền chọn là địa phương thí điểm và triển khai thực hiện có hiệu quả trong thực tế	1,5
<b>2</b>	<b>Điểm trừ</b>	<b>10</b>
a)	Có đơn thư tố cáo, kiến nghị đúng sự thật về thái độ, hành vi gây phiền hà, nhũng nhiễu của cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị	1
b)	Thực hiện không tốt các nội dung về quản lý đề báo đài và các phương tiện thông tin truyền thông phản ánh đúng sự thật	1
c)	Có đơn vị trực thuộc thực hiện công tác CCHC yếu, bị dư luận, bị lãnh đạo thành phố phản ánh, phê bình	1
d)	Không hoàn thành nhiệm vụ CCHC mà UBND thành phố giao riêng tại Kế hoạch CCHC thành phố trong năm mà không có lý do chính đáng	1
đ)	Không thực hiện việc xin lỗi công dân hoặc không có văn bản giải thích cụ thể đối với các trường hợp hồ sơ trễ hẹn hoặc trả lại ( <i>kể cả trường hợp thẩm quyền quyết định của UBND thành phố</i> )	1
-	Từ 30% trở lên số trường hợp trễ hẹn/trả lại	1
-	Từ 10% đến dưới 30% số trường hợp trễ hẹn/trả lại	0,5
e)	Không triển khai hoặc triển khai chưa đầy đủ việc lấy ý kiến điều tra xã hội học phục vụ đánh giá xếp hạng CCHC của thành phố	2
-	Không triển khai	2
-	Có triển khai nhưng chưa đầy đủ	1
f)	Không triển khai các nội dung trong Bộ Chỉ số CCHC của Bộ Nội vụ dù đã có văn bản nhắc nhở, gây ảnh hưởng trực tiếp đến điểm xếp hạng của thành phố	1
g)	Thực hiện cung cấp các thông tin chậm trễ làm ảnh hưởng đến việc triển khai đánh giá và công bố kết quả xếp hạng CCHC của thành phố	1
h)	Không triển khai thực hiện các nội dung thí điểm theo chỉ đạo của UBND thành phố	1



### PHỤ LỤC III

**Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá, xếp hạng kết quả cải cách hành chính đối với UBND các quận, huyện**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 6327 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2017 của UBND thành phố Đà Nẵng)*

STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
<b>I</b>	<b>CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH</b>	<b>20</b>
<b>1</b>	<b>Xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính (sau đây viết tắt là CCHC) hằng năm</b>	<b>2,5</b>
a)	Ban hành đúng thời hạn và cập nhật đầy đủ kế hoạch lên phần mềm <a href="http://www.cchc.danang.gov.vn">www.cchc.danang.gov.vn</a> (trước ngày 31/01 hàng năm)	1
b)	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo Kế hoạch CCHC của thành phố	1
c)	Các nhiệm vụ cụ thể hóa được kết quả hoàn thành và xác định rõ trách nhiệm triển khai	0,5
<b>2</b>	<b>Công tác quản trị tiến độ và mức độ hoàn thành Kế hoạch</b>	<b>2,5</b>
a)	Thực hiện cập nhật tiến độ trên phần mềm đầy đủ (theo 06 tháng và năm) <i>(nếu cập nhật 06 tháng nhưng không cập nhật tiến độ năm không có điểm)</i>	0,5
b)	Mức độ hoàn thành Kế hoạch/Chương trình CCHC <i>(trong trường hợp có nhiệm vụ do UBND giao nhưng đơn vị không hoàn thành thì việc đánh giá về Kế hoạch/Chương trình CCHC của đơn vị được chấm tối đa 1 điểm; Các nhiệm vụ không cụ thể hóa được kết quả hoàn thành thì xem như là 01 nhiệm vụ không hoàn thành)</i>	2
-	100% kế hoạch	2
-	Từ 85% đến dưới 100%	1
-	Từ 70% đến dưới 85%	0,5
<b>3</b>	<b>Thực hiện kiểm tra CCHC tại các đơn vị trực thuộc có thực hiện các nhiệm vụ về công tác CCHC (tỉ lệ % đơn vị trực thuộc được kiểm tra)</b>	<b>1</b>
a)	Từ 90% đơn vị trực thuộc trở lên	1
b)	Từ 70% đến dưới 90%	0,5
<b>4</b>	<b>Thực hiện báo cáo kết quả CCHC trực tuyến</b>	<b>2</b>
a)	Đầy đủ và đúng thời hạn 2 báo cáo <i>(thiếu hoặc trễ mỗi báo cáo trừ 0,5 điểm)</i>	1
b)	Đầy đủ các nội dung theo mẫu yêu cầu <i>(mỗi báo cáo không đầy đủ các nội dung theo mẫu yêu cầu trừ 0,5 điểm)</i>	1
<b>5</b>	<b>Công tác tuyên truyền CCHC</b>	<b>5</b>
a)	<b>Kế hoạch tuyên truyền</b>	<b>1</b>
-	Có kế hoạch tuyên truyền riêng hoặc lồng ghép chung trong kế	0,5

STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
	hoạch CCHC năm của địa phương	
-	Kế hoạch phải cụ thể các hình thức tuyên truyền và thời gian thực hiện	0,5
b)	<b>Các hình thức tuyên truyền</b>	<b>4</b>
-	Đủ ba hình thức tuyên truyền: (1) Tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp, tập huấn chuyên đề CCHC; (2) đăng thông tin CCHC trên website của địa phương; (3) đăng thông tin trên báo, đài truyền thanh, truyền hình ( <i>thiếu mỗi hình thức trừ 01 điểm, tối đa trừ không quá 2 điểm</i> )	2
-	Tuyên truyền bằng các hình thức: Tổ chức cuộc thi; tạo đàm; sân khấu hóa; tờ rơi (thiết kế, in màu); các vật dụng có in nội dung tuyên truyền CCHC để phát đến tổ chức, công dân; video clip.... ( <i>Mỗi hình thức 01 điểm, tối đa 2 điểm</i> )	2
6	<b>Những giải pháp về chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo địa phương trong thực hiện CCHC</b>	<b>3</b>
a)	Tổ chức đánh giá, sơ kết, tổng kết công tác CCHC của địa phương hàng năm ( <i>nếu tổ chức lồng ghép vào Hội nghị cuối năm thì phải được thể hiện rõ trong chương trình, được thảo luận và thể hiện rõ trong kết luận hội nghị</i> )	1
b)	Thực hiện biểu dương, khen thưởng tại các cuộc họp cơ quan hàng tháng, hàng quý, trong hội nghị 6 tháng, năm hoặc xử lý kỷ luật, phê bình cán bộ, công chức, đơn vị trực thuộc trong thực hiện công tác CCHC theo các quy định hiện hành ( <i>thể hiện bằng văn bản, thông báo cụ thể và không tính đối với các trường hợp khen thưởng kết quả làm việc định kỳ</i> )	1
c)	Đánh giá về mức độ quyết tâm trong công tác CCHC của lãnh đạo địa phương đối với công tác CCHC ( <i>thông qua điều tra, khảo sát</i> )	1
-	Tốt	1
-	Khá	0,5
7	<b>Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện khảo sát mức độ hài lòng bằng hình thức trực tuyến</b>	<b>1</b>
a)	100% đơn vị trực thuộc triển khai, trong đó 80% đơn vị trực thuộc đảm bảo số lượng phiếu theo quy định	1
b)	100% đơn vị trực thuộc triển khai, trong đó từ 50% đến dưới 80% đơn vị trực thuộc đảm bảo số lượng phiếu theo quy định	0,5
8	<b>Sáng kiến trong CCHC được Hội đồng khoa học cấp cơ sở công nhận</b> ( <i>01 giải pháp đầu tiên được tính 2 điểm, thêm 01 giải pháp thì được cộng 01 điểm, tối đa không quá 3 điểm</i> ) <i>Mỗi đơn vị lựa chọn và kê khai tối đa 04 sáng kiến cấp cơ sở để trình Hội đồng đánh giá xếp hạng CCHC hàng năm xem xét.</i>	<b>3</b>
II	<b>HOÀN THIỆN HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>10</b>
1	Đánh giá về văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quản lý chỉ đạo điều hành do đơn vị ban hành hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành ( <i>thông qua điều tra, khảo sát</i> )	1

STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
a)	Ban hành đúng thẩm quyền, hình thức, đảm bảo tính kịp thời, khả thi	0,5
b)	Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ trong hệ thống văn bản.	0,5
<b>2</b>	<b>Tính minh bạch của các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, chỉ đạo điều hành, quy hoạch, kế hoạch...do đơn vị ban hành hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành (thông qua điều tra, khảo sát)</b>	<b>1</b>
a)	Dễ tiếp cận, tìm hiểu văn bản	0,5
b)	Đầy đủ thông tin	0,5
<b>3</b>	<b>Thực hiện báo cáo hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính (sau đây viết tắt là TTHC) định kỳ (6 tháng và năm lần 1)</b>	<b>1</b>
a)	Báo cáo đầy đủ số lượng và đúng thời hạn (thiếu hoặc trễ mỗi báo cáo trừ 0,25 điểm)	0,5
b)	Báo cáo đầy đủ các nội dung theo mẫu yêu cầu (thiếu mỗi nội dung trừ 0,25 điểm)	0,5
<b>4</b>	<b>Thực hiện công bố, công khai TTHC đúng quy định</b>	<b>2</b>
a)	Định kỳ hàng năm có văn bản tham gia ý kiến xây dựng bộ TTHC cấp huyện, cấp xã (đúng hạn và đảm bảo yêu cầu về nội dung)	1
b)	Niên yết công khai bộ TTHC cấp huyện (đảm bảo 4 tiêu chí: Đúng vị trí, đủ thủ tục, cập nhật mới, dễ tìm hiểu) tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1
<b>5</b>	<b>Thực hiện rà soát, đơn giản hóa TTHC</b>	<b>4</b>
a)	Xây dựng văn bản triển khai Kế hoạch đơn giản hóa TTHC hàng năm trên địa bàn thành phố (chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày ban hành Kế hoạch của thành phố)	1
-	Ban hành đúng thời hạn	0,5
-	Có phương án tổ chức thực hiện Kế hoạch của thành phố	0,5
b)	Chủ động thực hiện các phương án đơn giản hóa (Quyết định của UBND cấp huyện về rút ngắn thời gian giải quyết các TTHC thuộc thẩm quyền so với thời gian quy định của thành phố hoặc thực hiện các mô hình liên thông mới) tại đơn vị	1,5
c)	Kiến nghị đơn giản hóa TTHC được phê duyệt tại Quyết định ban hành Phương án đơn giản hóa TTHC của thành phố	1,5
<b>6</b>	<b>Xây dựng văn bản triển khai Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC hàng năm của thành phố (chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày ban hành Kế hoạch của thành phố)</b>	<b>1</b>
a)	Ban hành đúng thời hạn	0,5
b)	Triển khai đầy đủ các nhiệm vụ kiểm soát TTHC được giao theo Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC của thành phố	0,5
<b>III</b>	<b>THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG</b>	<b>12</b>
<b>1</b>	<b>Triển khai tất cả các lĩnh vực theo yêu cầu theo quy định tại Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 30/3/2011 quy định về việc thực hiện mô hình một cửa điện tử quận, huyện (thiếu mỗi lĩnh vực trừ 0,5 điểm)</b>	<b>1</b>
<b>2</b>	<b>Thực hiện chế độ phụ cấp đối với công chức Bộ phận tiếp nhận</b>	<b>1</b>



STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
	<b>và trả kết quả theo quy định hiện hành</b>	
<b>3</b>	<b>Sử dụng và ứng dụng phần mềm một cửa điện tử phục vụ công tác tiếp nhận và theo dõi, quản lý hồ sơ (thông qua kết quả theo dõi)</b>	<b>4</b>
a)	Tiếp nhận 100% hồ sơ trên phần mềm <sup>10</sup>	1
b)	Không có hồ sơ quá hạn, trễ hạn trên phần mềm do lỗi chủ quản của công chức xử lý hồ sơ (nếu tỷ lệ từ 95% đến dưới 100% thì được nửa số điểm)	1,5
c)	Có luân chuyển, xử lý hồ sơ, ban hành kết quả xử lý (nếu tỷ lệ từ 95% đến dưới 100% thì được nửa số điểm, dưới tỉ lệ trên không tính điểm)	1,5
<b>4</b>	<b>Tỷ lệ hồ sơ được giải quyết đúng và sớm hẹn<sup>11</sup></b>	<b>1</b>
a)	Từ 100% hồ sơ	1
b)	Từ 90% đến dưới 100% hồ sơ	0,5
<b>5</b>	<b>Thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của tổ chức, công dân đối với dịch vụ hành chính công của cơ quan, đơn vị</b>	<b>3</b>
a)	Số lượng ý kiến trả lời khảo sát đảm bảo quy định hiện hành của thành phố (thông qua hình thức trực tiếp và trực tuyến, nếu số lượng không đảm bảo chỉ được tối đa nửa số điểm) <i>Ghi chú: Số lượng ý kiến khảo sát phải đảm bảo tỷ lệ trên số lượt hồ sơ, không tính trên số lượng đối tượng thực hiện TTHC</i>	1,5
b)	Có đánh giá kết quả khảo sát và đề xuất giải pháp cải thiện việc cung ứng dịch vụ hành chính công của đơn vị trong thời gian tới (bao gồm cả kết quả của các đơn vị khảo sát độc lập như Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế Xã hội, Trung tâm Thông tin dịch vụ công thành phố)	1,5
<b>6</b>	<b>Kết quả đánh giá của tổ chức, công dân khi thực hiện giao dịch TTHC (thông qua phần mềm đánh giá trực tuyến). Nếu thẩm định thông tin có 10% trên tổng tỷ lệ khảo sát thông tin không đúng thì điểm trừ 50% số điểm (sẽ kiểm chứng theo xác suất từ 20-30% số lượng khảo sát trong năm của đơn vị) Nếu số lượng phiếu khảo sát chưa đảm bảo chỉ được tối đa nửa số điểm (Số lượng phiếu trực tuyến phải đảm bảo tỉ lệ theo Quy định tại Khung khảo sát mức độ hài lòng ban hành kèm theo Quyết định số 5489/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2016 của UBND thành phố của UBND thành phố)</b>	<b>2</b>
a)	Từ 90% trở lên đánh giá hài lòng	2
b)	Từ 85% đến dưới 90 % đánh giá hài lòng	1,5
c)	Từ 70% đến dưới 85% đánh giá hài lòng	1

<sup>10</sup> Ngoại trừ các lĩnh vực tiếp nhận trên các hệ thống của Bộ chuyên ngành như: Đăng ký kinh doanh, Lý lịch tư pháp...

<sup>11</sup> Đối với các đơn vị có số lượng hồ sơ tiếp nhận trên 5000 lượt/năm thì thang yêu cầu về tỉ lệ giảm đi 5% ứng với mỗi mức điểm, ví dụ: 90% hồ sơ đạt 3 điểm. Đảm bảo không có lĩnh vực TTHC có tỉ lệ đúng hẹn dưới 70%. Đối với những đơn vị có lĩnh vực tiếp nhận và xử lý tại các đơn vị trực thuộc (Vd: đất đai) thì tỉ lệ được tính trên hồ sơ sớm và đúng hẹn tại các đơn vị trên.

STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
<b>IV</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY</b>	<b>5</b>
<b>1</b>	<b>Đánh giá về việc ban hành, thực hiện và cập nhật kịp thời Quy chế làm việc nội bộ của địa phương theo quy định (thông qua điều tra, khảo sát)</b>	<b>1</b>
a)	Tốt	1
b)	Khá	0,5
<b>2</b>	<b>Đánh giá mối quan hệ phối hợp giữa các phòng, ban trong giải quyết công việc (thông qua điều tra, khảo sát)</b>	<b>1</b>
a)	Tốt	1
b)	Khá	0,5
<b>3</b>	<b>Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công bố hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trong hoạt động quản lý hành chính</b>	<b>2</b>
a)	Từ 70% số đơn vị trở lên	2
b)	Từ 50% – dưới 70% số đơn vị	1,5
c)	Dưới 50% số đơn vị	0
<b>4</b>	<b>Có tham mưu tiến hành phân cấp và được cấp có thẩm quyền công nhận</b>	<b>1</b>
a)	Tham mưu Quyết định phân cấp quản lý ngành, lĩnh vực cho các cơ quan, đơn vị; UBND phường, xã	0,5
b)	Quyết định được phê duyệt và được triển khai thực hiện trên thực tế	0,5
<b>V</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC</b>	<b>21</b>
<b>1</b>	<b>Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm (thông qua theo dõi của Phòng Xây dựng chính quyền và Thanh niên thuộc Sở Nội vụ)</b>	<b>4</b>
a)	Cơ quan hành chính thực hiện đúng cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	2
-	100% cơ quan hành chính thực hiện đúng theo cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	2
-	Từ 50% đến dưới 100% cơ quan hành chính thực hiện đúng theo cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1
b)	Đơn vị, sự nghiệp trực thuộc thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt (thông qua theo dõi của Phòng Xây dựng chính quyền và Thanh niên thuộc Sở Nội vụ)	2
-	100 % đơn vị theo vị trí nghề nghiệp	2
-	Từ 50% đến dưới 100% đơn vị theo vị trí nghề nghiệp	1
<b>2</b>	<b>Đảm bảo quản lý, sử dụng biên chế và số lượng người làm việc được giao đúng quy định (thông qua theo dõi của Phòng Xây dựng chính quyền và Thanh niên thuộc Sở Nội vụ)</b>	<b>3</b>
a)	Xây dựng kế hoạch biên chế, số lượng người làm việc hàng năm đảm bảo thời gian, nội dung quy định	0,5

STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
b)	Báo cáo phân bổ biên chế, số lượng người làm việc; báo cáo kết quả sử dụng biên chế, số lượng người làm việc hàng năm đúng hạn và đầy đủ nội dung quy định	0,5
c)	Thực hiện đầy đủ đúng quy định về phân cấp quản lý công chức, viên chức, hợp đồng lao động	1
d)	Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của công chức, viên chức, người lao động tại đơn vị và các đơn vị trực thuộc	1
-	Có xây dựng Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác của công chức, viên chức, người lao động tại đơn vị và các đơn vị trực thuộc	0,5
-	Triển khai thực hiện trên thực tế (Theo đúng Kế hoạch đã đề ra)	0,5
<b>3</b>	<b>Triển khai công tác đánh giá kết quả làm việc hàng tháng theo quy định của thành phố (thông qua theo dõi của Phòng Xây dựng chính quyền và Thanh niên thuộc Sở Nội vụ)</b>	<b>2</b>
a)	Triển khai đánh giá hằng tháng đầy đủ và đúng thời gian quy định	1
b)	Thực hiện đánh giá phân loại công chức năm dựa trên đánh giá kết quả làm việc hằng tháng tại đơn vị	1
<b>4</b>	<b>Thực hiện cập nhật kịp thời và đầy đủ thông tin về công chức các phòng, ban, đơn vị trực thuộc trên phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức (kể cả các đơn vị trực thuộc) (thông qua theo dõi của Phòng Xây dựng chính quyền và Thanh niên thuộc Sở Nội vụ, thời điểm đánh giá tính đến ngày 31/12 hàng năm)</b>	<b>2</b>
a)	100% hồ sơ được cập nhật kịp thời theo quy định (Nếu có các lỗi nghiêm trọng gồm: nhập trùng hồ sơ; công chức đã nghỉ việc, về hưu; tuyển dụng thêm nhân sự mới nhưng vẫn chưa thực hiện nghiệp vụ điện tử tương ứng thì chỉ được tối đa 01 điểm)	2
b)	Từ 90 – dưới 100% hồ sơ được cập nhật kịp thời theo quy định	1,5
c)	Từ 80% - dưới 90% hồ sơ được cập nhật kịp thời theo quy định	1
<b>5</b>	<b>Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức của đơn vị đúng, đầy đủ, kịp thời (thông qua điều tra, khảo sát)</b>	<b>1</b>
a)	Tốt	1
b)	Khá	0,5
<b>6</b>	<b>Thúc đẩy phong trào lao động sáng tạo trong cơ quan, đơn vị</b>	<b>1,5</b>
a)	Có Quy chế về hoạt động sáng kiến	0,5
b)	Có xét công nhận sáng kiến và thực hiện khen thưởng riêng cho các sáng kiến của công chức đã được công nhận (không tính khen thưởng đối với những trường hợp các sáng kiến là cơ sở để xét các hình thức thi đua khen thưởng như chiến sĩ thi đua cơ sở)	1
<b>7</b>	<b>Về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức</b>	<b>1,5</b>
a)	Có theo dõi, đánh giá việc chấp hành việc cử đi đào tạo, bồi dưỡng của công chức (đối với những đơn vị có thông báo về việc công chức không chấp hành quy định về đào tạo, bồi dưỡng của Sở Nội vụ thì không đạt)	0,5

STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
b)	Có văn bản, chủ trương thống nhất chính sách hỗ trợ riêng của địa phương đối với công chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ (ngoài chế độ theo quy định) <sup>12</sup> <i>Ghi chú: Trường hợp có hỗ trợ trên thực tế nhưng không có quy định thống nhất của địa phương thì chỉ được tối đa nửa số điểm</i>	1
8	<b>Có xây dựng kế hoạch và tổ chức thi tuyển viên chức, công chức phường, xã trong năm</b>	2
-	Có xây dựng kế hoạch	0,5
-	Có triển khai tổ chức thi tuyển	0,5
-	Có đổi mới hình thức thi tuyển viên chức, đơn vị sự nghiệp thuộc quận, công chức phường thông qua máy tính	1
9	<b>Thực hiện đúng và đầy đủ quy trình về việc bổ nhiệm lãnh đạo quản lý, tiếp nhận, điều động luân chuyển trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp (thông qua theo dõi của Phòng Xây dựng Chính quyền và Thanh niên thuộc Sở Nội vụ)</b>	1
10	<b>Thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 11/9/2013 của Ban Thường vụ Thành ủy và Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 18/11/2016 của Chủ tịch UBND thành phố (thông qua theo dõi đánh giá của Thanh tra Sở thuộc Sở Nội vụ)</b>	3
a)	Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện	1
-	Có xây dựng kế hoạch triển khai	0,5
-	Kế hoạch đầy đủ các nội dung theo yêu cầu; có giải pháp cụ thể, rõ ràng, có thể lượng hóa được kết quả đầu ra	0,5
b)	Báo cáo tình hình thực hiện	1
-	Báo cáo định kỳ 6 tháng và cuối năm đúng thời hạn (mỗi báo cáo thiếu hoặc trễ hạn trừ 0,25 điểm)	0,5
-	Báo cáo định kỳ 6 tháng và cuối năm đảm bảo các nội dung theo yêu cầu (mỗi báo cáo không đảm bảo nội dung theo yêu cầu trừ 0,25 điểm)	0,5
c)	Tỉ lệ kết quả hoàn thành kế hoạch:	1
-	Đạt từ 90% trở lên	1
-	Từ 80% đến dưới 90%	0,5
<b>VI</b>	<b>CẢI CÁCH CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG</b>	<b>10</b>
1	<b>Đánh giá việc thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ cơ quan, đơn vị (thông qua điều tra, khảo sát)</b>	1
a)	Tốt	1
b)	Khá	0,5
2	<b>Kết quả thực hiện tiết kiệm chi phí hành chính để tăng thêm</b>	2

<sup>12</sup> Chính sách hỗ trợ riêng ngoài chế độ theo quy định được hiểu là ngoài việc hỗ trợ về thời gian, lương theo quy định thì đơn vị còn hỗ trợ người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc tự đào tạo bồi dưỡng một khoản kinh phí khác (ngoài lương)

STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
	<b>thu nhập theo ND 130/ND-CP (kết quả tăng thu nhập so với mức lương tối thiểu theo số liệu từ Sở Tài chính)</b>	
a)	Tăng trên 1 lần lương tối thiểu	2
b)	Từ 0,5 đến 1 lần lương tối thiểu	1,5
c)	Từ 0,1 đến 0,5 lần lương tối thiểu	1
<b>3</b>	<b>Thực hiện việc phân phối thu nhập tăng thêm dựa trên kết quả phân loại công chức theo đánh giá kết quả làm việc hàng tháng</b>	<b>3</b>
a)	Ban hành quy định, quy chế phân phối thu nhập tăng thêm dựa trên kết quả phân loại công chức theo đánh giá kết quả làm việc hàng tháng <i>Ghi chú: Việc phân phối thu nhập tăng thêm dựa trên kết quả kết quả phân loại công chức nhưng không có quy định về việc phân loại công chức dựa trên kết quả làm việc hàng tháng thì không đạt điểm mục này,</i>	1,5
b)	Tổ chức triển khai thực hiện trên thực tế	1,5
<b>4</b>	<b>Nỗ lực thực hiện các giải pháp nâng cao thu nhập, đời sống của công chức (thông qua điều tra, khảo sát)</b>	<b>1</b>
a)	Tốt	1
b)	Khá	0,5
<b>5</b>	<b>Công tác lập dự toán (qua theo dõi của Sở Tài chính)</b>	<b>1</b>
a)	Lập dự toán sát với thực tế triển khai (tránh bổ sung nhiều lần trong năm)	0,5
b)	Thời gian gửi dự toán cho cơ quan tài chính cùng cấp đảm bảo quy định	0,5
<b>6</b>	<b>Tình hình chấp hành dự toán (qua theo dõi của Sở Tài chính)</b>	<b>2</b>
a)	Đảm bảo đạt 100% dự toán thu (phí, lệ phí, thu sự nghiệp, thu dịch vụ) so với dự toán được cấp có thẩm quyền giao	1
b)	Thực hiện chi theo dự toán theo đúng chế độ, chính sách, định mức chi tiêu tài chính hiện hành (đối với chi thường xuyên)	0,5
c)	Đảm bảo đúng thời gian, biểu mẫu, chất lượng theo quy định về việc lập và nộp báo cáo quyết toán năm	0,5
<b>VII</b>	<b>HIỆN ĐẠI HOÁ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH</b>	<b>15</b>
<b>1</b>	<b>Ứng dụng Hệ thống thư điện tử thành phố</b>	<b>1</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị thường xuyên sử dụng thư điện tử trong công việc (đạt từ 90% trở lên)	0,5
b)	Tỷ lệ CBCC thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc (đạt từ 90% trở lên)	0,5
<b>2</b>	<b>Xây dựng phần mềm và hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ hiệu quả, kịp thời cho công tác quản lý chuyên ngành (liệt kê 3 phần</b>	<b>3</b>

STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
	<i>mềm quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành sử dụng hiệu quả cho công tác quản lý tại đơn vị</i> <sup>13</sup>	
a)	Phần mềm và cơ sở dữ liệu thứ 1	1
b)	Phần mềm và cơ sở dữ liệu thứ 2	1
c)	Phần mềm và cơ sở dữ liệu thứ 3	1
<b>3</b>	<b>Ứng dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tại đơn vị</b>	<b>4</b>
a)	100% văn bản đến được lưu trên hệ thống	1
b)	100% văn bản đi được lưu trên hệ thống	1
c)	Trên 70% số lượng văn bản đi được tạo ra từ công việc hoặc văn bản đến trên hệ thống	1
d)	30% văn bản được liên thông trên hệ thống Quản lý văn bản và điều hành	1
<b>4</b>	<b>Về trang thông tin điện tử chuyên ngành của đơn vị</b>	<b>2</b>
a)	Công khai và cập nhật thông tin về số điện thoại, hộp thư điện tử của các lãnh đạo đơn vị, phòng ban chuyên môn, bộ phận tiếp nhận đơn vị trực thuộc để công dân, tổ chức tiện liên hệ	0,5
b)	Đăng Báo cáo 6 tháng, báo cáo năm và kế hoạch trong năm đánh giá	0,5
c)	Đăng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực giai đoạn 05 năm 2015 – 2020	0,5
d)	Có cung cấp thông tin, dữ liệu chuyên ngành và được cập nhật thường xuyên	0,5
<b>5</b>	<b>Thực hiện cung cấp các dịch vụ để giải quyết TTHC trực tuyến (sau đây được viết tắt là DVGQTTHCTT) hoặc mức độ tin học hóa các quy trình, thủ tục có liên quan đến công dân</b>	<b>5</b>
a)	Về số lượng DVGQTTHCTT hoặc số lượng quy trình, thủ tục được tin học hóa	3
-	Có xây dựng DVGQTTHCTT mức độ 3,4 trong năm đánh giá	1
-	Số lượng DVGQTTHCTT của đơn vị được cung cấp ở mức độ 3, 4 (quy trình, thủ tục có liên quan đến công dân, tổ chức được tin học hóa toàn bộ)	2
+	Từ 20% trở lên tổng số TTHC	2
+	Từ 10% đến dưới 20% tổng số TTHC	1
b)	Về tỉ lệ hồ sơ tiếp nhận thông qua môi trường trực tuyến mức độ 3 hoặc số lượt tổ chức, công dân được giải quyết các công việc thông qua các quy trình/thủ tục được tin học hóa so với tiếp nhận trực tiếp <sup>14</sup>	2

<sup>13</sup> Hiệu quả sử dụng của mỗi phần mềm được tính như sau: (Số lượng bản ghi lưu trữ trên phần mềm/Số liệu thống kê thực tế)\*Số điểm. Kỳ thống kê không tính theo năm đánh giá mà đánh giá toàn bộ các dữ liệu đã phát sinh từ trước đến nay.

<sup>14</sup> Đối với các đơn vị có số lượng hồ sơ tiếp nhận trên 5000 lượt/năm thì thang yêu cầu về tỉ lệ giảm đi 10% ứng với mỗi mức điểm, ví dụ: 50% hồ sơ vẫn đạt 2đ.

STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
-	Từ 60% trở lên	2
-	Từ 50% đến dưới 60%	1,5
-	Từ 40% đến dưới 50%	1
<b>VIII</b>	<b>TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐẾN CÔNG TÁC XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NGÀNH VÀ SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>7</b>
<b>1</b>	<b>Tổng thu ngân sách trong năm so với số tổng dự toán giao đầu năm (Số liệu từ Sở Tài chính)</b>	<b>2</b>
a)	Tổng thu cao hơn tổng dự toán giao từ 10% trở lên	2
b)	Tổng thu cao hơn tổng dự toán giao dưới 10%	1,5
c)	Tổng thu bằng tổng dự toán giao	1
<b>2</b>	<b>Kết quả thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại cơ quan, đơn vị (thông qua điều tra khảo sát)</b>	<b>1</b>
a)	Tốt	1
b)	Khá	0,5
<b>3</b>	<b>Kết quả thực hiện công tác tiếp nhận và giải quyết đơn thư kiến nghị, khiếu nại tố cáo của đơn vị (thông qua điều tra khảo sát)</b>	<b>1</b>
a)	Tốt	1
b)	Khá	0,5
<b>4</b>	<b>Đánh giá của đại biểu HĐND, MTTQVN về chất lượng quản lý điều hành, việc giải quyết các ý kiến của cử tri (thông qua điều tra, khảo sát)</b>	<b>1,5</b>
a)	Tốt	1,5
b)	Khá	1
<b>5</b>	<b>Đánh giá của các UBND phường, xã về công tác chỉ đạo, điều hành của đơn vị (thông qua điều tra khảo sát)</b>	<b>1,5</b>
a)	Tốt	1,5
b)	Khá	1
<b>IX</b>	<b>ĐIỂM THƯỞNG VÀ ĐIỂM TRỪ</b>	
<b>1</b>	<b>Điểm thưởng</b>	<b>13</b>
a)	Đơn vị có cung ứng DVHCCTT ở mức độ 4 từ 10% số TTHC trở lên	1,5
b)	Thực hiện đơn giản hóa hoặc kiến nghị đơn giản hóa TTHC được chấp thuận (về mặt thời gian, thành phần hồ sơ, quy trình...) từ 10% số TTHC trở lên	1,5
c)	Có tổ chức các hoạt động đối thoại với các đối tượng thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị và xử lý các kiến nghị được nêu ra tại buổi đối thoại	1
d)	Sáng kiến có liên quan đến công tác CCHC được Hội đồng xét sáng kiến thành phố công nhận có tác dụng, ảnh hưởng đối với thành phố (cứ một sáng kiến cộng 01 điểm, tối đa không quá 2 điểm)	2
đ)	Có tăng số TTHC chưa thực hiện một cửa ra công bố thực hiện một cửa, một cửa liên thông	1
-	Từ 10% số TTHC trở lên	1

STT	Nội dung Bộ Chỉ số	Điểm số
-	Từ 5% - dưới 10% số TTHC	0,5
e)	Thực hiện thí điểm các nội dung cải cách hành chính	3
-	Tự nguyện đăng ký thí điểm và được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận; triển khai có hiệu quả trong thực tế	3
-	Được cơ quan có thẩm quyền chọn là địa phương thí điểm và triển khai thực hiện có hiệu quả trong thực tế	2
f)	Tổ chức làm việc với các đoàn về cải cách hành chính theo phân công của thành phố hoặc phối hợp triển các nhiệm vụ cải cách hành chính do Trung ương tổ chức tại địa phương được thành phố chỉ định thực hiện.	1
j)	Tham gia các cuộc thi liên quan đến cải cách hành chính do thành phố tổ chức	2
-	Tham gia đầy đủ	1
-	Tham gia, đạt các giải thưởng (nhất, nhì, ba)	2
<b>2</b>	<b>Điểm trừ</b>	<b>13</b>
a)	Chưa hoàn thành việc xây dựng Đề án vị trí việc làm ( <i>chưa trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc đã trình nhưng không đảm bảo chất lượng phải xây dựng lại nhiều lần vẫn chưa phê duyệt được</i> )	2
b)	Có đơn thư tố cáo, kiến nghị đúng sự thật về thái độ, hành vi gây phiền hà, nhiễu nhiễu của cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị	1
c)	Thực hiện không tốt các nội dung về quản lý đề báo đài và các phương tiện thông tin truyền thông phản ánh đúng sự thật	1
d)	Có đơn vị trực thuộc thực hiện công tác CCHC yếu, bị dư luận, bị lãnh đạo thành phố phản ánh, phê bình	1
đ)	Không hoàn thành nhiệm vụ CCHC mà UBND thành phố giao riêng tại Kế hoạch CCHC thành phố trong năm mà không có lý do chính đáng	1
e)	Không thực hiện việc xin lỗi công dân hoặc không có văn bản giải thích cụ thể đối với các trường hợp hồ sơ trễ hẹn hoặc trả lại ( <i>kể cả trường hợp thẩm quyền quyết định của UBND thành phố</i> )	1
-	Từ 30% trở lên số trường hợp trễ hẹn/trả lại	1
-	Từ 10% đến dưới 30% số trường hợp trễ hẹn/trả lại	0,5
f)	Không triển khai hoặc triển khai chưa đầy đủ việc lấy ý kiến điều tra xã hội học phục vụ đánh giá xếp hạng CCHC của thành phố	1
-	Không triển khai	1
-	Có triển khai nhưng chưa đầy đủ	0,5
g)	Không triển khai các nội dung trong Bộ Chỉ số CCHC của Bộ Nội vụ dù đã có văn bản nhắc nhở, gây ảnh hưởng trực tiếp đến điểm xếp hạng của thành phố	2
h)	Thực hiện cung cấp các thông tin chậm trễ làm ảnh hưởng đến việc triển khai đánh giá và công bố kết quả xếp hạng cải cách hành chính của thành phố	1
i)	Không triển khai thực hiện các nội dung thí điểm theo chỉ đạo của UBND thành phố	1
j)	Có công chức hoặc viên chức bị xử lý kỷ luật	1